

# ÂN TƯ THÁNH LINH – SPIRITUAL GIFTS

## Định Nghĩa Ân Tư Thánh Linh

Ân Tư Thánh Linh là món quà - Spiritual gifts is *charismata*, a word that relates to the grace (*charis*) of God. ÂTTL là công cụ chính yếu để kết quả mục vụ.

C. Peter Wagner offers a definition: "A spiritual gift is a special attribute given by the Holy Spirit to every member of the Body of Christ according to God's grace for use within the context of the Body." ÂTTL là món quà thiêng liêng được ban cho mỗi tín hữu bởi Chúa TL tùy thuộc ân điển của Ngài để gây dựng Hội Thánh, thân thể của Đấng Christ.

## Những Nguyên Tắc Về Ân Tư / Principles About Spiritual Gift

- Every Christian has one or more spiritual gifts. Mỗi Cơ Đốc Nhân đều có một hay nhiều ân tứ (1 Cor. 12:7, 11, 1 Pet. 4:10).
- Not one gift has given to all believers. Không có một ân tứ nào được ban cho tất cả mọi người (1 Cor 12:27:30)
- Spiritual gifts are not the same as the gift of the Spirit. The gift of the Spirit has been bestowed on all believers. Ân tứ Thánh linh khác với món quà Thánh Linh. Đức Chúa Thánh Linh được ban cho mọi người tin Chúa (John 14:16; Acts 2:38)
- Spiritual gifts are not the same as the fruit of the Spirit. Spiritual fruit is produced from within; spiritual gifts are imparted from without. Fruit relates to Christ-like character; gifts relate to Christian service. Ân tứ Thánh linh khác với bông trái Thánh linh. Bông trái Thánh linh sanh ra từ bên trong, ân tứ Thánh linh thể hiện bên ngoài. Ân tứ Thánh linh liên hệ đến đặc tính giống Christ, ân tứ liên hệ đến sự phục vụ.
- Spiritual gifts are not the same as natural talents. Ân tứ khác với tài năng.
- All Christians are called to a ministry, but not all are called to an office. Ministry is determined by divinely given gifts and opportunities (Eph. 3:7). Tất cả Cơ đốc nhân đều được gọi đến để phục vụ, nhưng không phải tất cả được gọi để trở thành chức viên. Mục vụ được hành thành bởi ân tứ và cơ hội Chúa ban.
- Every spiritual gift has same standard and it is required of stewards that one to be found faithful (1 Cor. 4:2). Work with what God has given to you (2 Tim. 1:6), and seek to please Him rather than men (Gal. 1:10; 1 Thess. 2:4). **Do not bias or deny any kind of gift. Be careful, don't have an extreme position.** Mỗi ân tứ có giá trị như nhau và đòi hỏi sự trung tín. Hãy sử dụng ân tứ Chúa ban cho bạn, và làm hài lòng Ngài hơn là loài người. Đừng thiên vị hay chống đối ân tứ.
- Gifts are God's spiritual equipment for effective service and edification of the body of Christ. Ân tứ là công cụ thuộc linh của Chúa ban để phục vụ và gây dựng thân thể của Christ. Nếu vì ân tứ mà gây chia rẽ Hội thánh, đó là công việc của xác thịt & ma quỷ.

## Lý Do Chúa Ban Ân Tư / Reasons To Have Spiritual Gifts

A. You Will Be Satisfied/Bạn được thoải lòng - You will have a sense of fulfillment and joy in the service of others as you become an available instrument through which the Holy Spirit can work

B. Others Will Be Edified/Người khác được gây dựng - If you fail to develop your gifts or let them decline through disuse, your brothers and sisters in Christ will actually be hurt because they will be deprived of the unique ministry that only you could perform in their lives (Êph 4:16).

C. God Will Be Glorified/Chúa được vinh hiển (vinh hiển của Chúa được bày tỏ) - 1 Peter 4:10-11 - your spiritual gifts are ultimately designed to bring glory to God

### **Phân Loại Ân Tứ**

(1Cor 12:1-12, 28; Rom 12:3-8, Eph 4:11)

**Ân Tứ Chức Vụ** (Official gifts): Sứ đồ (Apostle), Tiên tri (Prophet), Thầy giảng (Evangelist), Mục sư (Pastor), Giáo sư (Teacher) – 1 Cor 4:1, Êph 4:11

**Ân Tứ Khích Lệ** (Motivational gifts): Phục vụ (service), Khuyên bảo (exhortation), Dâng hiến (giving), Lãnh đạo (leadership), Thương xót (mercy), Giúp đỡ (helps), Điều hành (administration)

**Ân Tứ Thuộc Linh** (Charismatic gifts): Lời khôn ngoan (wisdom), Lời tri thức (knowledge), Đức tin (faith), Chữa bệnh (healing), Phép lạ (miracles), Nói tiên tri (prophecy), Phân biệt linh (discernment), Tiếng mới (tongues), Giải tiếng mới (interpretation)

### **Giải Nghĩa Các Ân Tứ**

(1Cor 12:1-12, 28; Rom 12:3-8, Eph 4:11)

1. **Prophecy** (Rom. 12:6; 1 Cor. 12:10, 28-29; 14:1-40; Eph. 4:11)--The ability to receive and proclaim a message from God.

2. **Service** (Rom. 12:7)--The ability to identify and care for the physical needs of the body through a variety of means

3. **Teaching** (Rom. 12:7; 1 Cor. 12:28-29; Eph. 4:11)--The ability to clearly explain and effectively apply the truths of God's Word so that others will learn

Các Ân Tứ

(1Cor 12:1-12, 28; Rom 12:3-8, Eph 4:11)

4. **Exhortation** (Rom. 12:8)--The ability to motivate others to respond to the truth by providing timely words of counsel, encouragement, and consolation

5. **Giving** (Rom. 12:8)--The ability to contribute material resources with generosity and cheerfulness for the benefit of others and the glory of God

6. **Leadership** (Rom. 12:8)--The ability to discern God's purpose for a group, set and communicate appropriate goals, and motivate others to work together to fulfill them in the service of God.

Các Ân Tứ

(1Cor 12:1-12, 28; Rom 12:3-8, Eph 4:11)

7. **Mercy** (Rom. 12:8)--The ability to deeply empathize and engage in compassionate acts on behalf of people who are suffering physical, mental, or emotional distress

8. **Wisdom** (1 Cor. 12:8)--The ability to apply the principles of the Word of God in a practical way to specific situations and to recommend the best course of action at the best time

9. **Knowledge** (1 Cor. 12:8)--The ability to discover, analyze, and systematize truth for the benefit of others.

Các Ân Tứ

(1Cor 12:1-12, 28; Rom 12:3-8, Eph 4:11)

10. **Faith** (1 Cor. 12:9)--The ability to have a vision for what God wants to be done and to confidently believe that it will be accomplished in spite of circumstances and appearances to the contrary

11. **Healing** (1 Cor. 12:9, 28, 30)--The ability to serve as a human instrument through whom God supernaturally cures illnesses and restores health

12. **Miracles** (1 Cor. 12:10, 28, 29)--The ability to serve as an instrument through whom God accomplishes acts that manifest supernatural power

Các Ân Tứ

(1Cor 12:1-12, 28; Rom 12:3-8, Eph 4:11)

13. **Distinguishing of spirits** (1 Cor. 12:10)--The ability to clearly discern the spirit of truth and the spirit of error (cf. 1 John 4:6).

14. **Tongues** (1 Cor. 12:10, 28, 30; 14:1-40)--The ability to receive and impart a spiritual message in a language the recipient never learned

15. **Interpretation of tongues** (1 Cor. 12:10, 30; 14:5, 13, 26-28)--The ability to translate into the vernacular a message publicly uttered in a tongue

Các Ân Tứ

(1Cor 12:1-12, 28; Rom 12:3-8, Eph 4:11)

16. **Apostleship** (1 Cor. 12:28,29; Eph. 4:11)--In the New Testament, the apostles were not limited to the Twelve, but included Paul, Barnabas, Andronicus, Junias, and others as well (Acts 14:14; Rom. 16:7; 1 Cor. 15:5,7; 1 Thess. 2:6)

17. **Helps** (1 Cor. 12:28)--The ability to enhance the effectiveness of the ministry of other members of the body

18. **Administration** (1 Cor. 12:28)--This word, like helps, appears only one time in the New Testament, and it is used outside of Scripture of a helmsman who steers a ship to its destination.

Các Ân Tứ

(1Cor 12:1-12, 28; Rom 12:3-8, Eph 4:11)

19. **Shepherd or pastor** (Eph. 4:11)--Peter was commissioned by Christ to shepherd His sheep (John 21:16), and Peter exhorted the elders in the churches of Asia Minor to do the same (1 Pet. 5:2; cf. Acts 20:28)

**Evangelism, Worship, Prayer are not a spiritual gift but a nature of all believers, so that, all Christians are able to and must witness for, worship to and pray to Trinity God. Chứng đạo, thờ phượng và cầu nguyện không phải là ân tứ mà là lối sống (bản chất) của người tin Chúa, vì thế tất cả tín nhân đều phải chứng đạo, thờ phượng, & cầu nguyện.**

## **Phát Huy Ân Tứ / Develop Spiritual Gifts**

(1Cor 12:1-12, 28; Rom 12:3-8, Eph 4:11)

### **Sự Chuẩn Bị**

1. Have I received Christ as my Savior? Tôi đã tiếp nhận Chúa chưa? Unlike natural talents, spiritual gifts are bestowed only on believers.
2. Am I walking in fellowship with the Lord? Tôi đang đồng hành với Ngài trong mối liên hệ tốt đẹp? To be effective, spiritual gifts must be manifested in the context of the fruit of the Holy Spirit. This fruit is impeded by unconfessed sin and a failure to abide in Christ (John 15:4).
3. Do I really want to develop my gift(s)? Tôi rất muốn phát triển ân tứ Chúa ban cho tôi? A prerequisite to knowing your gifts is a willingness to go through the effort to be involved in discovering and developing them

### **Phát Huy Ân Tứ**

(1Cor 12:1-12, 28; Rom 12:3-8, Eph 4:11)

#### **Những Bước Thực Hiện**

- Khám phá (sự khác lạ về khả năng của mình)
- Cầu xin (trong sự khao khát)
- Sử dụng (phục vụ)
- Khai triển (mở rộng mục vụ)
- Phối hợp (cộng tác với các chi thể khác)
- Thảm định (danh Chúa vinh hiển? chính mình được gây dựng & thỏa lòng? người khác được gây dựng? = kết quả)
- Phát huy (học hỏi qua huấn luyện, tham khảo, chia sẻ...)

### **Dây Chằng Của Ân Tứ: Yêu Thương**

(I Cor 13, Eph 4:16)

Động lực của việc sử dụng ân tứ là tình yêu thương của Christ ở trong bạn  
Không có tình yêu thương, ân tứ trở nên vô nghĩa

#### **Mối Liên Hệ Giữa Trái & Ân Tứ Thánh Linh**

Yêu thương	Lời khôn ngoan
Vui mừng	Lời tri thức
Bình an	Đức tin
Nhịn nhục	Chữa bệnh
Nhân từ	Phép lạ
Hiền lành	Nói tiên tri
Trung tín	Phân biệt linh
Mềm mại	Tiếng mới
Tiết độ	Giải tiếng mới

## Tiếng Mới: Sử Dụng Cách Hữu Hiệu (I Cor 14)

- Tiếng mới, như những ân tứ khác, vẫn được ban cho trong thời đại của Chúa Thánh Linh (1 Cor 12:10)
- Không phải mọi người đầy đầy TL đều phải nói tiếng mới vì ân tứ được ban cho mỗi người tùy ý Chúa
- Nói tiếng mới gây dựng cho chính bạn và bạn được khích lệ để nói trong nơi riêng tư với Chúa (c. 4)
- Nói tiếng mới giữa công chúng phải cầu nguyện để có người thông giải tiếng mới (câu 27 & 28)
- Đừng chống đối, ngăn trở hay phân biệt người nói tiếng mới (câu 39)
- Nói tiếng mới giữa Hội chúng mà gây sự chia rẽ hay vấp phạm thì thà đừng nói thì hơn. Đừng vì cá nhân mình mà gây ảnh hưởng tiêu cực đến Hội thánh.

## Lạm Dụng Ân Tứ

(1Cor 12:1-12, 28; Rom 12:3-8, Eph 4:11)

Ân tứ Thánh linh có thể:

- Được sử dụng cho lợi riêng
- Được sử dụng theo ý riêng của xác thịt
- Được sử dụng theo cảm hứng
- Gây sự ganh tị
- Gây kiêu ngạo
- Được xem trọng hơn Đấng Ban Cho ân tứ
- Phát huy (học hỏi qua huấn luyện, tham khảo, chia sẻ...)

## Mười điểm khác biệt tiêu biểu của hai khuynh hướng:

Truyền Thống Quá Khích	Ngũ Tuần Quá Khích
1. Hình thức máy móc cứng ngắt	1. Tự do vô trật tự
2. Thờ phượng khô khan	2. Nhảy múa ồn ào
3. Cầu nguyện yên lặng	3. Cầu nguyện lớn tiếng
4. Thiên về tri thức	4. Thiên về cảm xúc
5. Chứng đạo đơn điệu	5. Dịch vụ chữa bệnh
6. Sống nghèo khó, cam khổ	6. Sống giàu có, thịnh vượng
7. Đầy đầy Thánh Linh qua việc có được nhiều Lời Chúa	7. Đầy đầy Thánh Linh qua việc nói tiếng lạ
8. Chống tiếng lạ, ơn tứ này không còn nữa	8. Mỗi người phải nói tiếng lạ, dạy và ép người khác nói tiếng lạ
9. Hoạch định chương trình chi tiết, tỉ mỉ và theo chương trình cách máy móc	9. Đề chương trình cho Chúa Thánh linh hướng dẫn theo cảm xúc từng hồi
10. Cầu nguyện qua loa, sự trả lời phó mặc cho Chúa, thiếu yếu tố đức tin	10. Cầu nguyện công bố, hay thích nói lời tiên tri và nói như chính là ĐCT

## Mười điểm khác biệt giữa đầy dẫy Thánh Linh và cảm xúc Thánh Linh:

Người Đầy Dẫy Thánh Linh	Người Cảm Xúc Thánh Linh
1. Sinh bông trái TL cách tự nhiên	1. Sinh bông trái TL cách gượng gạo
2. Có bông trái TL luôn luôn	2. Lúc có lúc không bông trái TL
3. Đọc lời Chúa luôn nhận lãnh lẽ thật	3. Đọc lời Chúa thấy khô khan
4. Áp dụng lẽ thật lời Chúa	4. Cảm động về lẽ thật lời Chúa
5. Điềm đạm, bình tĩnh trước nan đề	5. Dao động, lo lắng trước nan đề
6. Độc lập với hoàn cảnh để có sự thoải lòng	6. Lệ thuộc vào hoàn cảnh để có sự thoải lòng
7. Khao khát tìm kiếm Chúa hơn hết	7. Khao khát tìm kiếm phép lạ hơn hết
8. Cam kết trung tín và giao hòa	8. Thường bỏ cuộc và tạo sự bất hòa
9. Gây dựng người khác	9. Cản người khác gây dựng
10. Thuận phục Chúa trong mọi hoàn cảnh	10. Thuận phục Chúa trong những hoàn cảnh hợp ý

### Giữ Sự Đầy Dẫy Thánh Linh

- Xung tội (Thi 73:1)
- Đầu phục (Rôma 12:1)
- Chớ làm buồn ĐTL (Mat 12:32)
- Giữ sự tràn đầy (Giăng 4:14, 7:37-39, Êph 5:18)